VnDoc.com VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

# Giải bài tập SGK Tiếng Anh lớp 4 (mới) Unit 3: Lesson 1 trang 18

**Lesson 1 Unit 3 trang 18 SGK Tiếng Anh lớp 4 Mới tập 1**

## Unit 3 What day is it today?

### Lesson 1

**1** Look, listen and repeat.

**2** Point and say.

| JULY | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| MONDAY | TUESDAY | WEDNESDAY | THURSDAY | FRIDAY | SATURDAY | SUNDAY |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |

Work in pairs. Ask your partners what day it is today.

VnDoc.com VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

## 3 Listen and tick.

1. a ☐ MONDAY 3 b ☐ THURSDAY 6 c ☐ TUESDAY 4

2. a ☐ TUESDAY 4 b ☐ THURSDAY 6 c ☐ FRIDAY 7

3. a ☐ SATURDAY 8 b ☐ FRIDAY 7 c ☐ WEDNESDAY 5

## 4 Look and write.

**Nam's activities**

| Sunday | Monday | Tuesday | Wednesday | Thursday | Friday | Saturday |
|---|---|---|---|---|---|---|
| go to the zoo | play football | watch TV | listen to music | go swimming | play the piano | visit my grandparents |

1. Today is _____. I play football today.
2. Today is _____. I watch TV today.
3. Today is _____. I visit my grandparents today.
4. Today is _____. I go to the zoo today.

## 5 Let's sing.

### We have English today

What day is it today?
It's Monday.
We have English today.
Do you have English on Wednesdays?
No. We have English on Tuesdays, Thursdays and Fridays.

What day is it today?
It's Wednesday.
We have English today.
Do you have English on Thursdays?
No. We have English on Mondays, Wednesdays and Fridays.

VnDoc.com VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

**1. Look, listen and repeat.**

Nhìn, nghe và đọc lại.

a) Hello, class! Xin chào cả lớp!

Hello, Miss Hien. Xin chào cô Hiền.

b) What day is it today? Hôm nay là thứ mấy?

It's Monday. Hôm nay là thứ Hai.

c) Very good! And what do we have on Mondays?

Rất tốt! Và chúng to có môn học nào vào các ngày thứ Hai?

We have English. Chúng ta có môn tiếng Anh.

d) And when is the next English class?

Và buổi học tiếng Anh kế tiếp là khi nào?

On Wednesday! No! It's on Tuesday.

Vào thứ Tư! Không! Nó vào thứ Ba.

That's right, Mai. It's on Tuesday.

Đúng rồi Mai. Nó vào thứ Ba.

**2. Point and say.**

Chỉ và nói.

Các em cần lưu ý: Các ngày trong tuần còn có thể viết tắt như sau: Mon. (Monday), Tue. (Tuesday), Wed. (Wednesday), Thurs. (Thursday), Fri. (Friday), Sat. (Saturday), Sun. (Sunday).

Vào việc theo cặp. Hỏi bạn học "Hôm nay là thứ mấy?".

What day is it today? Hôm nay là thứ máy?

It's Monday. Hôm nay là thứ Hai.

It's Tuesday. Hôm nay là thứ Ba.

It's Wednesday. Hôm nay là thứ Tư.

It's Thursday. Hôm nay là thứ Năm.

It's Friday. Hôm nay là thứ Sáu.

It's Saturday. Hôm nay là thứ Bảy.

It's Sunday. Hôm nay là Chủ nhật.

**3. Listen anh tick.**

Nghe và đánh dấu chọn.

VnDoc.com VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

1.b 2. a 3. c

Bài nghe:

1. Mr Loc: Hello, class.

Class: Hello, Mr Loc.

Mr Loc: What day is it today, class?

Class: It's Thursday.

Mr Loc: Very good! Time for Englishẽ

2. Mai: What day is it today, Nam?

Nam: It's Tuesday.

Mai: So we have English today, right?

Nam: Yes. That's right.

3. Phong: It's Tuesday. We have English today.

Quan: No, it isn't Tuesday. It's Wednesday. We don't have English today.

Phong: Oh, you're right!

**4. Look and write.**

Nhìn và viết.

1. Today is Monday. I play football today.

Hôm nay là thứ Hai. Tôi chơi bóng đá hôm nay.

2. Today is Tuesday. I watch TV today.

Hôm nay là thứ Ba. Tôi xem ti vi hôm nay.

3. Today is Saturday. I visit my grandparents today.

Hôm nay là thứ Bảy. Tôi thăm ông bà tôi hôm nay.

4. Today is Sunday. I go to the zoo today.

Hôm nay là Chủ nhật. Tôi đi sở thú hôm nay.

**5. Let's sing.**

Chúng ta cùng hát.

Chúng ta có môn tiếng Anh hôm nay

What day is it today?

It's Monday.

We have English today.

VnDoc.com VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

Do you have English on Wednesdays?

No. We have English on Tuesdays, Thursdays and Fridays.

Hôm nay là thứ mấy?

Hôm nay là thứ Hai.

Chúng to có môn tiếng Anh hôm nay.

Bạn có môn tiếng Anh vào những ngày thứ Tư phải không?

Không. Chúng tôi có môn tiếng Anh vào những ngày thứ Ba, thứ Năm và thứ Sáu.

What day is it today?

It's Wednesday.

We have English today.

Do you have English on Thursdays?

No. We have English on Mondays, Wednesdays and Fridays.

Hôm nay là thứ mấy?

Hôm nay là thứ Tư.

Chúng ta có môn tiếng Anh hôm nay.

Bạn có môn tiếng Anh vào những ngày thứ Năm phải không?

Không. Chúng tôi có môn tiếng Anh vào những ngày thứ Hai, thứTư và thứ Sáu.